

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI**



**BẢN MÔ TẢ**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH**

**Hà Nội, năm 2017**

## MỤC LỤC

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	1
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo .....	1
1.2. Mục tiêu đào tạo .....	1
1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh: .....	2
1.4. Hình thức đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.....	2
1.5. Điều kiện tốt nghiệp .....	2
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	3
2.1. Kiến thức .....	3
2.1.1. Kiến thức đại cương .....	3
2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành.....	3
2.1.3. Kiến thức ngành.....	3
2.1.4. Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp.....	3
2.1.5. Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học .....	3
2.2. Kỹ năng.....	4
2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp.....	4
2.2.2. Kỹ năng mềm .....	4
2.2.3. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học.....	4
2.3. Phẩm chất đạo đức.....	5
2.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân: .....	5
2.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.....	5
2.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội.....	5
2.4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp .....	5
PHẦN 3: MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA .....	7
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	9
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo .....	9
4.2. Khung chương trình đào tạo .....	9
4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra .....	13
4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ) .....	18
4.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần .....	22
4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình .....	33
4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu .....	33
4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình .....	33
4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình.....	37



# PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

## 1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:
  - Tiếng Việt: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
  - Tiếng Anh: **Tourism and travel services management**
- Trình độ đào tạo: **Đại học Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
- Ngành đào tạo: **Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
- Mã số: **52340103**
- Thời gian đào tạo: **04 năm**
- Loại hình đào tạo: **Chính quy**
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp
  - Tiếng Việt: **Cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành**
  - Tiếng Anh: **Bachelor of Tourism and travel services management**

## 1.2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành đạt được các mục tiêu sau:

### a) Kiến thức

MT1: Có kiến thức lý thuyết chuyên sâu trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành, làm nền tảng để nghiên cứu các nghiệp vụ chuyên sâu của ngành du lịch trong các tổ chức doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch hiện nay. Cử nhân ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành có đầy đủ kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp để vận dụng một cách hiệu quả trong công việc, có cơ hội việc làm tốt trong các tổ chức kinh doanh du lịch cả trong và ngoài nước sau khi ra trường;

MT2: Có khả năng tự học tập để thích ứng với môi trường kinh doanh trong điều kiện hội nhập quốc tế, đáp ứng nhu cầu thực tiễn về nhân lực trong lĩnh vực du lịch.

### b) Kỹ năng

MT3: Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, sử dụng những thành tựu mới về khoa học công nghệ để giải quyết những vấn đề trong lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

MT4: Có kỹ năng ngoại ngữ ở mức có thể hiểu được các nội dung cơ bản trong lĩnh vực kinh doanh du lịch; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý những tình huống thường gặp khi phục vụ khách du lịch; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến chuyên môn.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình;

d) Phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe:

MT6: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khỏe phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

e) Đủ khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

MT7: Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

**1.3. Đối tượng, tiêu chí tuyển sinh:**

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, theo quy định của trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội hàng năm.

**1.4. Hình thức đào tạo:** Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

**1.5. Điều kiện tốt nghiệp**

Thực hiện theo Điều 28 của Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 3473/QĐ-TĐHHN ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

## PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 2.1. Kiến thức

#### 2.1.1. Kiến thức đại cương

KT1: Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng; Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành. Có kiến thức cơ bản về toán học, ngoại ngữ, tin học đại cương và khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên ngành.

#### 2.1.2. Kiến thức cơ sở ngành

KT2: Hiểu được các kiến thức về lĩnh vực Kinh tế, Quản trị kinh doanh; Tài chính – Ngân hàng; Kế toán, Kiểm toán và phân tích tài chính làm cơ sở nghiên cứu sâu hơn nội dung kiến thức chuyên ngành.

#### 2.1.3. Kiến thức ngành

KT3: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành vào thực tế để tổ chức quản trị và tác nghiệp các hoạt động hướng dẫn du lịch, điều hành chương trình du lịch theo chuẩn VTOS của Tổng cục Du lịch Việt Nam và EU; thiết kế và thực hiện các chương trình du lịch; tổ chức và điều hành các sự kiện, các hoạt động vui chơi giải trí phục vụ khách du lịch; quản lý điều hành chương trình du lịch trên cơ sở bảo vệ môi trường tự nhiên và xã hội.

#### 2.1.4. Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp

KT4: Hiểu biết thực tế công việc chuyên môn thuộc ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Có kỹ năng nghề nghiệp về lĩnh vực Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành để giải quyết vấn đề thực tế.

#### 2.1.5. Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học

KT5: Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học

- Đạt chuẩn bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc A2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt 1 trong các chứng chỉ tương đương từ A2 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
A2	3.5	400	400	96	40	45 – 64 PET 70 – 89 KET	2

- Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

- Sử dụng được internet và một số phần mềm chuyên ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

## **2.2. Kỹ năng**

### **2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp**

KN1: Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Tìm hiểu vấn đề và xác định nguyên nhân phát sinh để đề xuất biện pháp giải quyết vấn đề

KN2: Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: Nghiên cứu tài liệu, thu thập, xử lý thông tin về lĩnh vực quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành.

KN3: Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn: Lập và quản lý được các dự án du lịch; biết thiết kế, thực hiện các chương trình du lịch, các sự kiện; báo cáo được các thông tin về tình hình kinh doanh du lịch của đơn vị để phục vụ yêu cầu của nhà quản trị; kiểm tra, đánh giá được hoạt động hướng dẫn du lịch, điều hành chương trình du lịch theo chuẩn VTOS của Tổng cục Du lịch Việt Nam và EU.

### **2.2.2. Kỹ năng mềm**

KN4: Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm

Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đề ra.

KN5: Kỹ năng quản lý và lãnh đạo

Có khả năng phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể; Phát triển và duy trì quan hệ với các đối tác; Truyền cảm hứng, tạo động lực cho cá nhân và tập thể.

KN6: Kỹ năng tìm kiếm việc làm

Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng.

### **2.2.3. Kỹ năng ngoại ngữ và tin học**

KN7: Kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ

Có kỹ năng giao tiếp với khách hàng, đối tác, đồng nghiệp và cấp trên; có kỹ năng thuyết phục, thuyết trình và đàm phán tốt; có trình độ tiếng Anh giao tiếp cơ bản, đọc và hiểu biết cơ bản các kiến thức chuyên môn.

KN8: Sử dụng thành thạo các công cụ công nghệ thông tin phổ biến (máy tính và phần mềm ứng dụng Du Lịch).

### **2.3. Phẩm chất đạo đức**

#### **2.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân:**

ĐĐ1: Có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc, chấp hành sự phân công của lãnh đạo. Sống hòa đồng với tập thể, có tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp và giữ gìn đoàn kết trong đơn vị. Đạt được các phẩm chất, đạo đức cá nhân khác như: năng động, ham học hỏi, yêu thích khám phá.

#### **2.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp**

ĐĐ2: Trung thực, cẩn thận; Có tinh thần trách nhiệm với công việc; Ý thức tổ chức kỷ luật tốt; Có tinh thần hòa đồng, hợp tác với đồng nghiệp.

#### **2.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội**

ĐĐ3: Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật, các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, có lối sống lành mạnh và tôn trọng các quy tắc sinh hoạt công cộng; chấp hành tốt nội quy, quy chế của nơi làm việc. Thể hiện văn minh, lịch sự trong giao tiếp, ứng xử và trang phục phù hợp. Có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, biết đấu tranh bảo vệ lẽ phải. Có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường.

### **2.4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp**

- Nhà quản trị du lịch sinh thái, nhân viên quản lý về du lịch ở các cơ quan quản lý Nhà nước trực thuộc Tổng cục du lịch, các Sở Văn hóa, thể thao và du lịch tại các địa phương;

- Nhân viên, thiết kế tour, hướng dẫn viên du lịch tại các doanh nghiệp dịch vụ du lịch, khu du lịch sinh thái, khu nghỉ dưỡng, vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu dự trữ sinh quyển, khu di tích lịch sử;

- Làm việc tại các bộ phận khác nhau trong các khách sạn, nhà hàng trong nước và quốc tế.

- Chuyên viên trong các tổ chức phi chính phủ về dự án trong mảng du lịch cộng đồng.

- Khi có điều kiện, sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự thành lập các công ty dịch vụ du lịch.





**PHẦN 3**  
**MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA**

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO						
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5	MT6	MT7
Kiến thức	KT1	X					X	
	KT2	X					X	X
	KT3	X	X	X		X		
	KT4	X	X	X		X		X
	KT5			X	X			
Kỹ năng	KN1			X				
	KN2			X				
	KN3			X				
	KN4		X	X		X		X
	KN5			X		X		
	KN6						X	X
	KN7				X			
	KN8			X	X			
Phẩm chất đạo đức	ĐĐ1							X
	ĐĐ2							X
	ĐĐ3							X



## PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

<b>Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy</b>	<b>130</b>
Trong đó:	
- <b>Khối kiến thức Giáo dục đại cương</b> <i>(Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN)</i>	<b>33</b>
- <b>Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>97</b>
• Kiến thức cơ sở ngành	24
• Kiến thức ngành	61
+ <i>Bắt buộc:</i>	(45)
+ <i>Tự chọn:</i>	(16)
• Kiến thức thực tập và Khóa luận tốt nghiệp	12

### 4.2. Khung chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>						
<b>I.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>						
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	LTML2101	2	22	8	60	
2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	LTML2102	3	32	13	90	LTML2101
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	VCPR202	3	32	12	90	
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM201	2	21	9	60	
<b>I.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>						
5	Kỹ năng mềm	SFS102	3	26	19	60	
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNC102	2	21	9	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
7	Pháp luật đại cương	BLA101	2	20	10	60	
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>						
8	Tiếng Anh 1	ENG101	3	8	37	90	
9	Tiếng Anh 2	ENG211	3	6	39	90	ENG101
10	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2	6	39	90	ENG211
<b>I.4</b>	<b>Khoa học tự nhiên - Tin học</b>						
11	Toán cao cấp	MAT101	4	33	27	120	
12	Tin học đại cương	GEI401	2	20	10	60	MAT101
13	Xác suất thống kê	PRO221	2	15	15	60	MAT101
<b>I.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>5</b>				
<b>I.6</b>	<b>Giáo dục quốc phòng-an ninh</b>		<b>165 tiết</b>				
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>97</b>				
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>						
14	Kinh tế vi mô	MIC101	3	33	12	90	
15	Kinh tế vĩ mô	MAC201	3	35	10	90	
16	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ERE102	2	23	7	60	MIC101
17	Kinh tế tài nguyên biển	MRE203	2	27	3	60	MIC101
18	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES201	2	19,5	9,5	60	MIC101, MAT101
19	Lý thuyết kế toán	ACT202	3	30	15	90	MIC101, MAC201
20	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	RMMB203	2	24,5	5,5	60	PES201, MAC201
21	Quản trị học	MNT101	3	36	9	90	
22	Marketing căn bản	BMA202	2	24	6	60	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
23	Tài chính - Tiền tệ	FIMO202	2	24	6	60	
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>61</b>				
<i>II.2.1</i>	<i>Bắt buộc</i>						
24	Tổng quan du lịch	OVT101	3	32	13	90	
25	Quản lý nhà nước về du lịch	SMT202	2	24	6	60	
26	Quản trị doanh nghiệp du lịch	MTA202	2	22	8	60	GEI401, BMA202
27	Quản trị nguồn nhân lực	HRM203	3	32	13	90	
28	Quản trị sự kiện	ETM203	3	35	10	90	MNT101
29	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú	MIR202	3	35	10	90	
30	Quản trị chất lượng du lịch	TQM203	2	20	10	60	
31	Marketing du lịch	TMG202	3	36	9	90	
32	Quản trị lễ tân	FOM203	2	22	8	60	MNT101
33	Thương mại điện tử	ECM203	2	24	6	60	GEI401, BMA202
34	Tâm lý khách hàng du lịch	PGT203	3	30	15	90	MNT101
35	Văn hóa ẩm thực	FOC102	3	29	16	90	
36	Đạo đức nghề nghiệp	PRE104	2	24	6	60	
37	Du lịch bền vững	STT202	3	29	16	90	OVT101
38	Kế toán tài chính	FAC203	2	21	9	60	ACT202
39	Quản trị điểm đến du lịch	TDM204	3	35	10	90	
40	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	OMT203	3	31	14	90	MNT101
41	Quản lý đại lý lữ hành	TAM204	2	18	12	60	
42	Quản lý điều hành	ETG204	3	28	17	90	OVT101

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
	chương trình du lịch						
43	Hướng dẫn du lịch	TVG203	3	26	19	90	
44	Thiết kế chương trình du lịch	DTP204	3	26	19	90	
45	Thực tập dã ngoại 1	FWR212	3		45	90	OVT101, MTA202, MNT101
46	Thực tập dã ngoại 2	FWR223	3		45	90	OVT101, MTA202, MNT101
II.2.2	<i>Tự chọn</i>						
1	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	CFV102	2	22	8	60	OVT101
2	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	CNV102	2	21	9	60	
3	Lịch sử văn minh thế giới	HWC102	2	25	5	60	
4	Lịch sử Việt Nam đại cương	GHV102	2	24	6	60	
5	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNC102	2	21	9	60	
6	Kinh tế tài nguyên biển	MRE203	2	27	3	60	
7	Kinh tế đầu tư	IVE202	2	22	8	60	MIC101, MAT101
8	Kinh tế phát triển	DLE203	2	24	6	60	MIC101, MAT101
9	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	RMMB203	2	24,5	5,5	60	PES201, MAC201
10	Kế toán tài chính	FAC203	2	21	9	60	ACT202
11	Thương mại điện tử	ECM203	2	24	6	60	GEI401, BMA202

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
12	Tin học ứng dụng	API202	2	13	17	60	GEI401
13	Phân tích định lượng	QNA203	2	17	13	60	PES201
<b>II.3</b>	<b>Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</b>						
47	Thực tập tốt nghiệp	ITS204	6		90	180	
48	Khóa luận tốt nghiệp	DST209	6		90	180	
<b>II.4</b>	<b>Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>						
1	Quản trị chiến lược	SMN204	3	34	11	90	
2	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	RTB204	3	35	10	90	
	<b>Tổng số</b>		<b>130</b>				

#### 4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>																
<b>I.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>																
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	x								x							x
2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	x								x							x
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	x								x							x



TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x								x							x
<b>I.2</b>	<b><i>Khoa học xã hội</i></b>																
5	Kỹ năng mềm		x						x	x	x				x	x	
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam		x				x	x	x	x						x	
7	Pháp luật đại cương	x								x					x	x	
<b>I.3</b>	<b><i>Ngoại ngữ</i></b>																
8	Tiếng Anh 1					x							x			x	
9	Tiếng Anh 2					x							x			x	
10	Tiếng Anh 3					x							x			x	
<b>I.4</b>	<b><i>Khoa học tự nhiên - Tin học</i></b>																
11	Toán cao cấp		x							x	x				x		
12	Tin học đại cương		x									x		x	x		
13	Xác suất thống kê	x								x	x				x		
<b>I.5</b>	<b><i>Giáo dục thể chất</i></b>	x									x				x		x
<b>I.6</b>	<b><i>Giáo dục quốc phòng-an ninh</i></b>	x									x				x		x
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>																
<b>II.1</b>	<b><i>Kiến thức cơ sở ngành</i></b>																x
14	Kinh tế vi mô		x								x						x
15	Kinh tế vĩ mô		x								x						x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
16	Kinh tế tài nguyên và môi trường		x							x						x	
17	Kinh tế tài nguyên biển		x						x	x						x	
18	Nguyên lý thống kê kinh tế		x							x	x					x	
19	Lý thuyết kế toán		x							x						x	
20	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh			x	x		x	x	x	x							x
21	Quản trị học		x						x	x	x					x	
22	Marketing căn bản		x						x	x	x					x	
23	Tài chính - Tiền tệ		x						x	x	x					x	
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>																
<i>II.2.1</i>	<i>Bắt buộc</i>																x
24	Tổng quan du lịch			x	x		x	x	x	x							x
25	Quản lý nhà nước về du lịch			x	x		x	x	x	x							x
26	Quản trị doanh nghiệp du lịch			x	x		x	x	x	x							x
27	Quản trị nguồn nhân lực			x	x		x	x	x	x							x
28	Quản trị sự kiện			x	x		x	x	x	x							x
29	Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú			x	x		x	x	x	x							x
30	Quản trị chất lượng du lịch			x	x		x	x	x	x							x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
31	Marketing du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
32	Quản trị lễ tân			x	x		x	x	x	x						x	
33	Thương mại điện tử		x							x	x	x				x	
34	Tâm lý khách hàng du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
35	Văn hóa ẩm thực			x	x		x	x	x	x						x	
36	Đạo đức nghề nghiệp			x	x		x	x	x	x						x	
37	Du lịch bền vững			x	x		x	x	x	x						x	
38	Kế toán tài chính		x							x	x					x	
39	Quản trị điểm đến du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
40	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành			x	x		x	x	x	x						x	
41	Quản lý đại lý lữ hành			x	x		x	x	x	x						x	
42	Quản lý điều hành chương trình du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
43	Hướng dẫn du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
44	Thiết kế chương trình du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
45	Thực tập dã ngoại 1			x	x		x	x	x							x	
46	Thực tập dã ngoại 2			x	x		x	x	x							x	
II.2	<i>Tự chọn</i>																
47	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam		x				x	x	x	x						x	

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA															
		Kiến thức					Kỹ năng								Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
48	Văn hóa các dân tộc Việt Nam		x				x	x	x	x						x	
49	Lịch sử văn minh thế giới		x				x	x	x	x						x	
50	Lịch sử Việt Nam đại cương		x				x	x	x	x						x	
51	Kinh tế đầu tư		x							x	x					x	
52	Kinh tế phát triển		x							x	x					x	
53	Tin học ứng dụng		x							x	x	x			x	x	
54	Phân tích định lượng		x								x					x	
<b>II. 3</b>	<b>Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</b>																
55	Thực tập tốt nghiệp			x	x										x	x	x
56	Khóa luận tốt nghiệp			x	x										x	x	x
<b>II. 4</b>	<b>Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp</b>																
57	Quản trị chiến lược			x	x		x	x	x	x					x	x	
58	Tài nguyên và kinh doanh du lịch			x	x		x	x	x	x						x	
	<b>Tổng số</b>																

#### 4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				H K1	H K2	H K3	H K4	H K5	H K6	H K7	HK 8
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>		<b>33</b>								
<b>I.1</b>	<b>Lý luận chính trị</b>		<b>10</b>								
1	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 1	LTML2101	2	2							
2	Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê nin 2	LTML2102	3	3							
3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	VCPR202	3			3					
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM201	2		2						
<b>I.2</b>	<b>Khoa học xã hội</b>		<b>7</b>								
5	Kỹ năng mềm	SFS102	3				3				
6	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNC102	2			2					
7	Pháp luật đại cương	BLA101	2		2						
<b>I.3</b>	<b>Ngoại ngữ</b>		<b>8</b>								
8	Tiếng Anh 1	ENG101	3	3							
9	Tiếng Anh 2	ENG211	3		3						
10	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2			2					
<b>I.4</b>	<b>Khoa học tự nhiên – Tin học</b>		<b>8</b>								
11	Toán cao cấp	MAT101	4	4							
12	Tin học đại cương	GEI401	2		2						
13	Xác suất thống kê	PRO221	2		2						

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				H K1	H K2	H K3	H K4	H K5	H K6	H K7	HK 8
<b>I.5</b>	<b>Giáo dục thể chất</b>		<b>5</b>	x	x	x	x				
<b>I.6</b>	<b>Giáo dục quốc phòng- An ninh</b>		<b>165 tiết</b>								
<b>II.</b>	<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>		<b>97</b>								
<b>II.1</b>	<b>Kiến thức cơ sở ngành</b>		<b>24</b>								
14	Kinh tế vi mô	MIC101	3	3							
15	Kinh tế vĩ mô	MAC201	3		3						
16	Kinh tế tài nguyên và môi trường	ERE102	2				2				
17	Kinh tế tài nguyên biển	MRE203	2					2			
18	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES201	2			2					
19	Lý thuyết kế toán	ACT202	3					3			
20	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	RMMB203	2						2		
21	Quản trị học	MNT101	3	3							
22	Marketing căn bản	BMA202	2				2				
23	Tài chính - Tiền tệ	FIMO202	2				2				
<b>II.2</b>	<b>Kiến thức ngành</b>		<b>61</b>								
24	Tổng quan du lịch	OVT101	3		3						
25	Quản lý nhà nước về du lịch	SMT202	2			2					
26	Quản trị doanh nghiệp du lịch	MTA202	2				2				
27	Quản trị nguồn nhân lực	HRM203	3						3		
28	Quản trị sự kiện	ETM203	3							3	
29	Quản trị xuất nhập cảnh	MIR202	3				3				

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				H K1	H K2	H K3	H K4	H K5	H K6	H K7	HK 8
	và lưu trú										
30	Quản trị chất lượng du lịch	TQM203	2						2		
31	Marketing du lịch	TMG202	3					3			
32	Quản trị lễ tân	FOM203	2						2		
33	Thương mại điện tử	ECM203	2						2		
34	Tâm lý khách hàng du lịch	PGT203	3					3			
35	Văn hóa ẩm thực	FOC102	3				3				
36	Đạo đức nghề nghiệp	PRE104	2							2	
37	Du lịch bền vững	STT202	3			3					
38	Kế toán tài chính	FAC203	2						2		
39	Quản trị điểm đến du lịch	TDM204	3							3	
40	Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành	OMT203	3					3			
41	Quản lý đại lý lữ hành	TAM204	2							2	
42	Quản lý điều hành chương trình du lịch	ETG204	3							3	
43	Hướng dẫn du lịch	TVG203	3						3		
44	Thiết kế chương trình du lịch	DTP204	3							3	
45	Thực tập dã ngoại 1	FWR212	3			3					
46	Thực tập dã ngoại 2	FWR223	3					3			
<b>II.3</b>	<b>Thực tập và Đồ án tốt nghiệp</b>		<b>12</b>								
47	Thực tập tốt nghiệp	ITS204	6								6
48	Khóa luận tốt nghiệp	DST209	6								6
	<b>Tổng số tín chỉ mỗi kỳ học</b>			<b>18</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>17</b>	<b>16</b>	<b>16</b>	<b>12</b>

STT	Tên học phần (Tiếng Việt)	Mã học phần	Số TC	Năm 1		Năm 2		Năm 3		Năm 4	
				H K1	H K2	H K3	H K4	H K5	H K6	H K7	HK 8
<b>III.</b>	<b>Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn</b>		<b>16</b>								
<b>III.1</b>	<b>Khối kiến thức tự chọn (10/26)</b>		<b>10</b>								
49	Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam	CFV102	2	2/10							
50	Văn hóa các dân tộc Việt Nam	CNV102	2								
51	Lịch sử văn minh thế giới	HWC102	2								
52	Lịch sử Việt Nam đại cương	GHV102	2								
53	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VNC102	2								
54	Kinh tế tài nguyên biển	MRE203	2	2/6							
55	Kinh tế đầu tư	IVE202	2								
56	Kinh tế phát triển	DLE203	2								
57	Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh	RMMB203	2	6/10							
58	Kế toán tài chính	FAC203	2								
59	Thương mại điện tử	ECM203	2								
60	Tin học ứng dụng	API202	2								
61	Phân tích định lượng	QNA203	2								
<b>III.2</b>	<b>Khối kiến thức bổ trợ (6TC)</b>		<b>6</b>								
62	Quản trị chiến lược	SMN204	3								
63	Tài nguyên và kinh doanh du lịch	RTB204	3								
<b>Tổng tín chỉ</b>			<b>130</b>								

Ghi chú: (\*) Không kể GDTC và GDQP-AN



#### **4.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần**

- 1) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1 2TC**  
Nội dung Ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 2) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 2 3 TC**  
Nội dung Ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 3) Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3TC**  
Nội dung Ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 4) Tư tưởng Hồ Chí Minh 2TC**  
Nội dung Ban hành theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- 5) Pháp luật đại cương 2 TC**  
Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật; kiến thức cơ bản về một số ngành luật như Luật Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính, Luật Lao động... trong hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó giúp người học nâng cao sự hiểu biết về vai trò, tầm quan trọng của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống.
- 6) Kỹ năng mềm 2TC**  
Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tìm kiếm việc làm.
- 7) Cơ sở văn hóa Việt Nam 2TC**  
Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về văn hóa và văn hóa Việt Nam, văn hóa nhận thức, văn hóa tổ chức đời sống tập thể, văn hóa tổ chức đời sống cá nhân, văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hóa ứng xử với môi trường xã hội
- 8) Tiếng Anh 1 3 TC**  
Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp (thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn và quá khứ đơn, tính từ sở hữu, đại từ và tính từ chỉ định, đại từ tân ngữ); các chủ điểm quen thuộc, gần gũi nhất với người học như bản thân, gia đình, cuộc sống hàng ngày.
- 9) Tiếng Anh 2 3 TC**  
Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản về các thì, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như

gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.

### **10) Tiếng Anh 3**

**2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức nâng cao (trình độ trung cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu...; Phương pháp thuyết trình khoa học và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp.

### **11) Toán cao cấp**

**3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học như: hàm số, ma trận, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để sinh viên có đủ khả năng tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên môn; luyện khả năng tư duy lôgic, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

### **12) Tin học đại cương**

**2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: một số kiến thức đại cương về tin học như; một số hệ điều hành thông dụng và các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

### **13) Xác suất thống kê**

**2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về biến cố ngẫu nhiên và xác suất (các khái niệm cơ bản về xác suất, tính chất, công thức tính xác suất); Đại lượng ngẫu nhiên (khái niệm đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối thông dụng); lý thuyết mẫu (khái niệm mẫu, các số đặc trưng mẫu và bài toán ước lượng tham số).

### **14) Giáo dục thể chất**

**5TC**

Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:

\* Phần bắt buộc (3TC)

(1) Thể dục (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học; cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và nâng cao thể lực.

(2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh.

\* Phần tự chọn (2TC): SV chọn một trong các môn học sau (mỗi môn học bao gồm 2 học phần):

(1) Bóng chuyền 1 (1TC) và Bóng chuyền 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức cơ bản về luật và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng chuyền; một số kỹ thuật cơ bản trong bóng chuyền nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(2) Cầu lông 1(1TC) và Cầu lông 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam, tác dụng của tập luyện và thi đấu; kỹ thuật, chiến thuật trong thi đấu cầu lông. Luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn cầu lông, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(3) Bơi lội 1(1TC) và Bơi lội 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về bơi lội thông qua các bài tập, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(4) Bóng rổ 1 (1TC) và Bóng rổ 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: những kiến thức cơ bản về môn bóng rổ thông qua các bài tập, giúp SV có được tư thế tác phong, chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

## **15) Giáo dục Quốc phòng - An ninh**

**8TC**

Bao gồm 3 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

(1) Đường lối quân sự của Đảng (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quan đội và bảo vệ tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

(2) Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung (2TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

(3) Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang

nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

#### **16) Kinh tế vi mô**

**3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản giúp cho sinh viên hiểu và biết cách phân tích các vấn đề về sử dụng nguồn lực một cách tối ưu trong phạm vi từng đơn vị kinh tế. Ngoài ra, nội dung học phần còn bao gồm những kiến thức cơ bản làm nền tảng để nghiên cứu nhiều học phần khác như: kinh tế công cộng, kinh tế đầu tư, kinh tế quốc tế, kinh tế ngành...

#### **17) Kinh tế vĩ mô**

**3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, như: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

#### **18) Kinh tế tài nguyên và môi trường**

**2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản về kinh tế tài nguyên môi trường như: khái niệm kinh tế tài nguyên môi trường, nội dung và phương pháp nghiên cứu kinh tế tài nguyên môi trường; các vấn đề về kinh tế ô nhiễm: các loại chất ô nhiễm, phương pháp xác định mức ô nhiễm tối ưu, các công cụ kiểm soát ô nhiễm (côta ô nhiễm, trợ cấp, thuế Pigow, các biện pháp kinh tế giảm nhẹ ô nhiễm,...); phương pháp xác định mức khai thác tối ưu tài nguyên tái tạo và không tái tạo; phương pháp phân tích lợi ích chi phí trong lựa chọn dự án kinh tế tài nguyên môi trường; phương pháp đánh giá tác động môi trường; phương pháp định giá tài nguyên môi trường; vấn đề thuế và phí môi trường.

#### **19) Kinh tế đầu tư**

**2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như bản chất đầu tư phát triển, các nguồn hình thành vốn đầu tư, quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản của lập, thẩm định dự án đầu tư cũng như đấu thầu trong các dự án đầu tư và quản lý đầu tư. Đặc biệt, học phần cung cấp hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển

Môn học cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để phân biệt đầu tư phát triển với những loại hình đầu tư khác trong thực tế, từ đây sinh viên có những cách thức đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của những dự án khác nhau.

**20) Kinh tế tài nguyên biển****2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề như: Tài nguyên biển, Môi trường biển, Ô nhiễm môi trường biển, Bảo vệ môi trường biển, Phát triển bền vững kinh tế tài nguyên biển, Quản lý tổng hợp vùng ven biển. Học phần còn cung cấp những kiến thức thực tiễn về Kinh tế Tài nguyên Biển ở Việt Nam và một số quốc gia châu Á, thông qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong phát triển kinh tế Tài nguyên Biển ở Việt Nam.

**21) Kinh tế phát triển****2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Tăng trưởng kinh tế, cải thiện các vấn đề xã hội cũng như các vấn đề về môi trường ở các nước đang phát triển.... Học phần giúp sinh viên nắm bắt được những lý thuyết cơ bản cũng như những kiến thức thực tế (kinh nghiệm của các nước và các nghiên cứu thực nghiệm) về quá trình tăng trưởng và phát triển ở các nước này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể phân tích và đánh giá được thực trạng nền kinh tế và quá trình phát triển của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở đó, sinh viên có thể nghiên cứu và đề xuất các giải pháp nhằm phát triển kinh tế Việt Nam một cách bền vững.

**22) Nguyên lý thống kê kinh tế****2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: những lý luận về khoa học thống kê: Mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn gắn liền với những điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Trên cơ sở đó tập trung vào nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế-xã hội.

**23) Lý thuyết kế toán****3TC**

Nội dung học phần bao gồm:

- Khái niệm; các nguyên tắc cơ bản.
- Đối tượng nghiên cứu của kế toán.
- Hệ thống phương pháp kế toán gồm: Phương pháp chứng từ, phương pháp đối ứng tài khoản, phương pháp tính giá và phương pháp tổng hợp cân đối.
- Các quá trình kinh doanh chủ yếu.
- Các hình thức kế toán.
- Tổ chức bộ máy kế toán.

**24) Phân tích định lượng****2TC**

Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu về phân tích định lượng: Bao gồm những khái niệm cơ bản nhất về phân tích định lượng như quy trình, phương pháp phân tích và các phần mềm ứng dụng phổ biến. Mô hình toán kinh tế và phương pháp tối ưu:

Trong chương này sẽ trình bày các ứng dụng của phép đạo hàm và vi phân trong phân tích kinh tế; giới thiệu các mô hình toán kinh tế để giải các bài toán tối ưu trong thực tiễn. Phân tích hồi quy: Giới thiệu về mô hình hồi quy bao gồm mô hình hồi quy đơn, hồi quy bội; ước lượng khoảng tin cậy, kiểm định các giả thuyết về các tham số trong mô hình; từ đó có thể lựa chọn mô hình hồi quy phù hợp với vấn đề thực tiễn. Phương pháp dự báo định lượng: Chương này giới thiệu 2 nhóm phương pháp dự báo định lượng được sử dụng phổ biến, bao gồm dự báo dựa trên dữ liệu chuỗi thời gian và dự báo bằng phương pháp nhân quả. Các phương pháp này có ý nghĩa vận dụng trong việc lập kế hoạch cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

#### **25) Phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh 2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Một số khái niệm cơ bản về khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu khoa học, tổ chức công tác nghiên cứu khoa học, nội dung các phương pháp nghiên cứu chủ yếu trong quản lý và kinh doanh, phương pháp tích lũy tài liệu, xử lý và phân tích tài liệu bằng phương pháp thống kê và phương pháp toán kinh tế, phương pháp nghiên cứu và viết khóa luận tốt nghiệp đại học.

#### **26) Tin học ứng dụng 2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu mục đích, ý nghĩa, khả năng đáp ứng của Tin học đối với ngành du lịch, cũng như đối tượng và nhu cầu sử dụng tin học ứng dụng trong ngành. Chương trình Excel ứng dụng trong chuyên ngành: giới thiệu chung về chương trình Excel, một số lệnh cơ bản trong Excel như cách nhập, xóa, sửa số liệu, các lệnh sắp xếp, phân tổ, phân tích tài liệu, cách vào các công thức và hàm trong Excel ứng dụng trong quản lý nói chung và ngành du lịch nói riêng. Quản lý tài chính: các hàm sử dụng trong tính khấu hao tài sản cố định, phân tích hiệu quả đầu tư và đầu tư chứng khoán. Các phương pháp dự báo- lập kế hoạch kinh doanh và bảo toán điểm hòa vốn: giới thiệu những kiến thức về phân tích tương quan, hồi qui, phương sai và các phân tích khác trên Excel cũng như bài toán điểm hòa vốn trong quản lý. Phân tích rủi ro trong kinh doanh bằng Crystal ball: giới thiệu các kiến thức về crystal Ball và ứng dụng trong quản lý. Giải bài toán quy hoạch tuyến tính: Giới thiệu về bài toán tối ưu và giải bằng Solver.

#### **27) Quản trị học 3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong lĩnh vực kinh doanh như: Bản chất, vai trò, chức năng, quá trình phát triển của quản trị kinh doanh; Đi sâu nghiên cứu quản trị ở một số lĩnh vực cụ thể của quá trình kinh doanh như: quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị nguồn nhân lực.

**28) Marketing căn bản****2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về Marketing, các môi trường Marketing, hành vi của khách hàng, phân khúc và lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị và các chiến lược Marketing hỗn hợp. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu quá trình làm sao có thể đưa hàng hóa từ doanh nghiệp đến khách hàng, làm sao có thể thỏa mãn tối đa được nhu cầu của khách hàng. Từ đó, có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

**29) Tài chính tiền tệ****2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm căn bản về phạm trù tài chính – tiền tệ, các bộ phận của hệ thống tài chính, chức năng cũng như các nguyên lý về hình thức hoạt động của nó trong nền kinh tế hàng hóa, nền kinh tế thị trường. Đặc biệt đi vào nghiên cứu những vấn đề liên quan đến lãi suất và tín dụng, Ngân sách Nhà nước, tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính và các tổ chức tài chính trung gian đặc biệt là Ngân hàng thương mại, Ngân hàng Trung Ương và Chính sách tiền tệ, tài chính quốc tế...

**30) Tổng quan du lịch****3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm cơ bản, phương pháp và thực tiễn về du lịch; cung cấp các kiến thức chung, cơ bản về ngành du lịch và khách sạn của Việt nam và bối cảnh quốc tế bao gồm sự phát triển, cơ cấu tổ chức, chức năng của hệ thống du lịch và các thành phần có liên quan. Học phần giúp cho sinh viên hiểu được các ảnh hưởng về kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường đến công nghiệp du lịch, hướng giải quyết những vấn nạn do phát triển du lịch gây ra.

**31) Quản lý nhà nước về du lịch****2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Các vấn đề liên quan đến việc quản lý của nhà nước trong lĩnh vực du lịch. Học phần tập trung nghiên cứu các vấn đề như: Một số vấn đề quản lý hành chính nhà nước về du lịch, bộ máy quản lý nhà nước về du lịch, một số nội dung của quản lý nhà nước về du lịch (Quản lý quy hoạch phát triển du lịch; Quản lý khu du lịch, điểm du lịch, tuyến du lịch, đô thị du lịch; Quản lý kinh doanh du lịch; Quản lý hướng dẫn du lịch; Xúc tiến du lịch; Hợp tác quốc tế về du lịch; Thanh tra, kiểm tra du lịch)

**32) Quản trị doanh nghiệp du lịch****2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: các vấn đề liên quan đến việc quản trị các doanh nghiệp trong lĩnh vực du lịch như: tổng quan về quản trị doanh nghiệp du lịch, hoạt động quản trị kinh doanh của trong một doanh nghiệp du lịch như: nhân sự, marketing, tài chính...

**33) Quản trị nguồn nhân lực** **3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Phân tích công việc, hoạch định nguồn nhân lực, lập kế hoạch hóa nguồn nhân lực, quy trình tuyển dụng nguồn nhân lực, bố trí và sử dụng nguồn nhân lực, các phương pháp đánh giá nguồn nhân lực, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, các hình thức trả lương và hợp đồng với người lao động.

**34) Quản trị sự kiện** **3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Các vấn đề liên quan đến việc quản trị các hoạt động trong lĩnh vực tổ chức sự kiện như: hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách cho sự kiện; lập kế hoạch tổ chức sự kiện; Các hoạt động chuẩn bị trước khi diễn ra sự kiện; chuẩn bị hậu cần tổ chức sự kiện; tổ chức điều hành các hoạt động của sự kiện.

**35) Quản trị xuất nhập cảnh và lưu trú** **3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

**36) Quản trị chất lượng du lịch** **2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị chất lượng dịch vụ du lịch trong các doanh nghiệp kinh doanh du lịch và lữ hành; thiết kế, đánh giá chất lượng dịch vụ du lịch; đảm bảo và cải tiến chất lượng dịch vụ du lịch; những tiêu chuẩn hệ thống quản trị chất lượng trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

**37) Marketing du lịch** **3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: quy trình quản trị marketing cho doanh nghiệp kinh doanh du lịch cũng như các nội dung cơ bản của các chiến lược marketing hỗn hợp (chính sách sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến) trong du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

**38) Quản trị lễ tân** **2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về các vấn đề liên quan đến hoạt động quản trị lễ tân như: lập kế hoạch đón tiếp khách hàng, dự báo quỹ phòng, chu trình đặt phòng, trả phòng, các hình thức thanh toán khi trả phòng, phục vụ khách hàng trong thời gian lưu trú, đánh giá hiệu quả của hoạt động lễ tân.



**39) Thương mại điện tử****2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức, sự hiểu biết về công nghệ Internet, các mô hình thương mại điện tử và khám phá các ứng dụng của thương mại điện tử trong kinh doanh và trong quản lý kinh tế.

**40) Tâm lý khách hàng Du lịch****3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Tâm lý khách hàng du lịch và các yếu tố ảnh hưởng đến tâm lý khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của du khách trong quá trình tiêu dùng dịch vụ du lịch; những đặc điểm tâm lý thuộc cá nhân phổ biến của khách hàng du lịch; những đặc điểm tâm lý của khách du lịch ở một số quốc gia và khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Úc, Châu Á trong đó có Việt Nam.

**41) Văn hóa ẩm thực****3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Khái niệm về văn hóa và văn hóa ẩm thực, ảnh hưởng của các yếu tố tới văn hóa ẩm thực. Văn hóa ẩm thực của Việt Nam, của một số nền văn hóa ẩm thực quan trọng với du lịch Việt Nam và ẩm thực của các tôn giáo khác nhau trên Thế giới.

**42) Đạo đức nghề nghiệp****2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Khái niệm đạo đức, cấu trúc của đạo đức, ý thức đạo đức và thực hiện đạo đức, quan hệ đạo đức, đạo đức xã hội và đạo đức cá nhân, vai trò, nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức. Mối quan hệ giữa đạo đức và hình thái ý thức xã hội. Đối tượng và nhiệm vụ của đạo đức học, nhiệm vụ của đạo đức học, một số phạm trù của đạo đức học, các phương pháp nghiên cứu đạo đức. Sự hình thành đạo đức cá nhân, như: Tính trung thực, tính nguyên tắc, tính khiêm tốn, lòng dũng cảm, tình yêu lao động, học tập không biết mệt mỏi; Những yêu cầu về phẩm chất đạo đức của người quản trị nhân sự, đặc trưng của nghề, một số nội dung giáo dục đạo đức nghề nghiệp cho người làm công tác quản lý, vấn đề xây dựng đạo đức mới cho người lao động trong nền kinh tế thị trường đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá đất nước

**43) Du lịch bền vững****3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Vấn đề phát triển du lịch bền vững. Đây là nội dung cấp thiết quan trọng trong giai đoạn hiện nay của ngành du lịch Việt Nam: phát triển làm sao đáp ứng được nhu cầu du lịch của hiện tại mà không làm tổn hại đến nhu cầu du lịch trong tương lai. Bên cạnh việc cung cấp các khái niệm cơ bản về du lịch, du lịch bền vững, phát triển du lịch bền vững học phần còn cung cấp những nội dung về phát triển du lịch bền vững ở những vùng du lịch nhạy cảm: vùng núi, vùng biên, vùng sinh thái hoang sơ. Cuối cùng học phần cung cấp các công cụ và định hướng cho việc lập quy hoạch các điểm, khu du lịch nhằm đạt đến mục tiêu phát triển bền vững..

**44) Kế toán tài chính** **2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính..

**45) Quản trị điểm đến du lịch** **3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển những kiến thức nền tảng về quản trị điểm đến du lịch; lập kế hoạch điểm đến du lịch; marketing điểm đến du lịch; tổ chức quản lý điểm đến, ứng dụng quản lý điểm đến tại một số điểm đến thực tế. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai..

**46) Quản trị tác nghiệp doanh nghiệp lữ hành** **3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về kinh doanh lữ hành và doanh nghiệp lữ hành; quản trị các hoạt động cung ứng; xây dựng chương trình du lịch, xúc tiến bán, thực hiện chương trình du lịch và quản trị chất lượng sản phẩm du lịch của doanh nghiệp lữ hành.

**47) Quản lý đại lý lữ hành** **2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về đại lý lữ hành, môi trường kinh doanh và chiến lược kinh doanh của đại lý lữ hành, cơ cấu tổ chức của đại lý lữ hành và quản lý hoạt động kinh doanh của đại lý lữ hành. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu các hoạt động kinh doanh của đại lý lữ hành nhằm đưa ra các quyết định tổ chức quản lý kinh doanh đại lý lữ hành. Từ đó, có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

**48) Quản lý điều hành chương trình du lịch** **3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Tổng quan về quản lý điều hành chương trình du lịch, bộ phận điều hành chương trình du lịch trong doanh nghiệp du lịch và lữ hành, tổ chức điều hành chương trình du lịch, thực hiện kỹ năng tổ chức điều hành một số chương trình du lịch mẫu.

**49) Hướng dẫn du lịch** **3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản như nghề hướng dẫn viên du lịch, các yếu tố khách quan tác động đến hoạt động hướng dẫn du lịch, quy trình tổ chức hoạt động hướng dẫn du lịch và một số nghiệp vụ hướng dẫn tham quan du lịch. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai..

**50) Thiết kế chương trình du lịch** **3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Khái quát về chương trình du lịch; nghiên cứu nhu

cầu du lịch; nghiên cứu điều kiện cung ứng dịch vụ du lịch; xác định khả năng của doanh nghiệp lữ hành; xác định chương trình du lịch; xác định giá thành, giá bán của chương trình du lịch và vận dụng và thực hành thiết kế chương trình du lịch.

**51) Thực tập dã ngoại 1** **3 TC**

Nội dung học phần bao gồm:

Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập là khách sạn

- + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
- + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

**52) Thực tập dã ngoại 2** **3 TC**

- Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập là doanh nghiệp kinh doanh du lịch:

- + Giới thiệu chung về đơn vị thực tập.
- + Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập.
- Tìm hiểu hoạt động nghiệp vụ tại các đơn vị thực tập
- Viết báo cáo sau quá trình đi thực tập

**53) Thực tập tốt nghiệp** **6 TC**

Nội dung học phần bao gồm:

- Tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập;
- Tìm hiểu về các hoạt động nghiệp vụ và kinh doanh;
- Thực tập các nghiệp vụ tại các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành

**54) Khóa luận tốt nghiệp** **6 TC**

Nội dung: thực hiện theo yêu cầu của Khoa, Bộ môn và giảng viên hướng dẫn.

**55) Quản trị chiến lược** **3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về Quản trị chiến lược, nghiên cứu môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, viễn cảnh, sứ mạng và mục tiêu của doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh, định vị và ra các quyết định về chiến lược của doanh nghiệp. Học phần không chỉ tập trung vào việc lựa chọn, và tổ chức thực hiện chiến lược mà còn đề cập tới việc đánh giá và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp. Từ đó có thể mang lại hiệu quả kinh doanh cao và góp phần trong sự phát triển bền vững cho doanh nghiệp.

**56) Tài nguyên và kinh doanh du lịch** **3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhằm

giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: tài nguyên du lịch như các loại tài nguyên du lịch, các nhân tố tác động đến tài nguyên và kinh doanh du lịch, các loại hình kinh doanh du lịch, định hướng và các giải pháp nhằm khai thác và bảo vệ tài nguyên và kinh doanh du lịch theo hướng bền vững. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

**57) Phong tục tập quán lễ hội Việt Nam**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học phát triển kiến thức nền tảng về: tín ngưỡng các dân tộc Việt Nam, các phong tục tập quán của người Việt, các lễ hội dân gian và bản sắc văn hóa người Việt trong các phong tục lễ hội. Từ đó giúp người học có thể triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

**58) Văn hóa các dân tộc Việt Nam**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: giới thiệu tổng quan về bức tranh văn hóa của các dân tộc Việt Nam, đi sâu vào từng đặc trưng văn hóa của người Việt – tộc người chủ thể và giới thiệu khái quát về các dân tộc khác theo từng khu vực, kết hợp với ngôn ngữ khác nhau.

**59) Lịch sử văn minh thế giới**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kiến thức cơ bản và hệ thống về sự phát triển văn minh nhân loại (qua những nền văn minh tiêu biểu); về bước chuyển sang nền văn minh công nghiệp và văn minh hậu công nghiệp; những nguyên tắc và mối tương quan giữa hội nhập văn minh thế giới với việc giữ vững và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

**60) Lịch sử Việt Nam đại cương**

**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhằm giúp người học có được những kiến thức về: Việt Nam thời nguyên thủy, thời kỳ dựng nước và giữ nước thời đại Hùng Vương – An Dương Vương, thời đại Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập (năm 179 trước công nguyên – 938 sau công nguyên), thời đại xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập (938 – 1958), thời kỳ đấu tranh chống thực dân Pháp (1858 – 1945), thời kỳ chiến tranh cách mạng và xây dựng chủ nghĩa xã hội từ năm 1945 đến nay.

**4.6. Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình**

**4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

- Tổng diện tích đất của Trường: 4,7 ha.
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học: 27950m<sup>2</sup>
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 2000.

Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

<b>TT</b>	<b>Tên</b>	<b>Các trang thiết bị chính</b>
1	Phòng thực hành máy Trung tâm Công nghệ thông tin	Bao gồm 22 phòng máy với hơn 1100 máy tính cấu hình cao được sử dụng để phục vụ công tác đào tạo

Thống kê phòng học

<b>TT</b>	<b>Loại phòng</b>	<b>Số lượng</b>
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	0
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	26
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	180
5	Số phòng học đa phương tiện	55

Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

<b>TT</b>	<b>Nhóm ngành đào tạo</b>	<b>Số lượng</b>
1	Nhóm ngành III	693
2	Nhóm ngành IV	2011
3	Nhóm ngành V	3136
4	Nhóm ngành VII	2656

**4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình**

Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
			PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
<b>Nhóm ngành III</b>								
Nguyễn Hoàn	24/10/1978	Kinh tế, chuyên ngành Kế toán						x
Hà Thị Thanh Thủy	18/01/1979	Kinh tế đối ngoại						x
Trần Lệ Thu	26/11/1980	Luật kinh tế						x
Hoàng Đình Hương	08/02/1979	Quản trị kinh doanh, chuyên ngành Kế toán						x
Phan Thị Phương Hoa	09/02/1968	Quản trị kinh doanh						x
Phạm Thị Bích Thủy	19/09/1980	Kinh tế				x		
Ngô Thị Kiều Trang	24/02/1986	Kế toán				x		
Nguyễn Thị Diệu Linh	01/04/1989	Kế toán				x		
Đinh Thị Hoài Ly	18/03/1990	Quản lý tài chính				x		
Nguyễn Thị Mai Anh	01/05/1986	Kế toán				x		
Đỗ Diệu Linh	10/09/1991	Kế hoạch và phát triển				x		
Bùi Thị Thu	02/04/1987	Thương mại Quốc tế				x		
Nguyễn Phương Anh	12/05/1988	Quản trị kinh doanh, Kế toán				x		
Nguyễn Thu Hiền	09/04/1988	Thương mại Quốc tế				x		

Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
			PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Phạm Thị Hương	28/05/1990	Tài chính ngân hàng, Tiếng Anh cấp B1 khung Châu Âu				x		
Nguyễn Thị Thu Hường	10/08/1988	Quản trị kinh doanh				x		
Trần Thị Hương Ly	22/06/1984	Quản trị kinh doanh				x		
Bùi Phương Nhung	14/02/1991	Kế toán				x		
Trần Phương Nhung	04/11/1989	Kế toán				x		
Đỗ Thị Phương	07/06/1990	Quản trị kinh doanh				x		
Vũ Thị Hoàng Yến	14/11/1991	Tài chính - ngân hàng				x		
Bùi Thúy Quỳnh	21/08/1988	Kế toán				x		
Lê Thị Tâm	20/07/1988	Kinh doanh thương mại				x		
Đào Thị Thanh Thúy	30/12/1988	Kế toán				x		
Đào Thị Thương	06/07/1987	Thương mại Quốc tế				x		
Trương Thị Bích Trọng	10/10/1987	Kế toán				x		
Đào Hồng Vân	13/11/1989	kinh tế tài chính				x		
Phan Thị Yến	05/02/1990	Tài chính - ngân hàng				x		
Nguyễn Thị Bích	08/11/1988	Luật kinh tế				x		

Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
			PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
Nguyễn Thị Bình	24/02/1988	Luật kinh tế				x		
Đặng Thị Hiền	17/10/1987	Quản lý kinh tế				x		
Nguyễn Văn Dung	04/10/1987	Kế toán				x		
Lê Thị Bích Lan	30/12/1977	Kinh tế				x		
Đào Mỹ Hạnh	14/05/1991	Tài chính ngân hàng				x		
Hoàng Thị Hương Hạnh	10/10/1989	Tài chính ngân hàng				x		
Lê Phương Thảo	20/07/1989	Kế toán				x		
Nguyễn Thị Thu Trang	01/06/1988	Kế toán				x		
Phùng Thị Vân	25/11/1989	Kế toán				x		
Nguyễn Văn Hách	26/06/1978	Quản trị kinh doanh				x		
Lê Trung Kiên	19/09/1986	Quản lý doanh nghiệp, Khoa học Môi trường				x		
Ngô Thị Duyên	01/02/1984	Thương mại				x		
Vũ Thị Ánh Tuyết	16/11/1983	Quản trị kinh doanh				x		
Nguyễn Thị Hiền	02/05/1988	Quản lý kinh tế				x		
Tạ Thị Bảy	13/05/1987	Kinh tế				x		
Nguyễn Hương Giang	10/03/1990	Tài chính - ngân hàng				x		
Trần Thu Hằng	10/11/1985	Tài chính tiền tệ ngân hàng				x		
Nguyễn Thị Thanh Mai	05/05/1986	Quản trị kinh				x		



Họ và tên	Ngày sinh	Ngành đào tạo	Chức danh		Bằng tốt nghiệp cao nhất			
			PGS	GS	ĐH	ThS	TS	TSKH
		doanh						
Phạm Thị Ngoan	10/05/1985	Quản trị kinh doanh				x		
Đào Thị Thùy Linh	11/07/1990	Quản trị kinh doanh Quốc tế				x		
Nguyễn Thị Thu Hà	14/11/1985	Quản trị kinh doanh				x		
Đặng Hữu Mạnh	21/3/1979	Quản trị kinh doanh				x		
Lê Thị Tuyết Mai	23/11/1986	Quản trị kinh doanh				x		
Trần Thị Thu Trang	25/09/1990	Kinh tế				x		
Nguyễn Minh Tuấn	24/10/1985	Kinh tế				x		
Tổng Thị Thu Hòa	24/07/1990	Quản lý kinh tế				x		
Phạm Thị Linh	02/03/1986	Kinh tế chính trị				x		
Nguyễn Thị Na	22/02/1982	Kinh tế chính trị				x		
Triệu Thùy Hương	21/05/1979	Tiếng Anh, Kế toán			x			
Nguyễn Kiều Hoa	24/11/1989	Kế toán			x			
Nguyễn Khánh Ly	14/02/1990	Tài chính ngân hàng			x			
Đỗ Thị Ngọc Thúy	07/02/1991	Kinh tế			x			
Đinh Mai Thanh	05/07/1981	Quản trị kinh doanh			x			

#### 4.7. Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập; tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo./.

**TL. HIỆU TRƯỞNG**  
**KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO**  
**PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG**



**TS. Lưu Văn Huyền**

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2017  
**TRƯỞNG KHOA**

**TS. Nguyễn Hoàn**